

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2022/DS-PT

Ngày: 09/12/2022

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên
bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Bảo Anh.

2/- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLPT-DS ngày 05/10/2022 về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 324/2022/QĐ-PT ngày 08/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T.** sinh năm: 1951. Địa chỉ: đường A, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Văn H.** Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Văn phòng Công chứng N.** Địa chỉ: đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Nguyễn N.** sinh năm: 1986. Ngụ cùng địa chỉ bị đơn (*văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **NLQ1.** sinh năm: 1981. Địa chỉ: đường X, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; Ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Lê Nguyễn N (*văn bản ủy quyền ngày 14/6/2022*).

- **NLQ2**. Địa chỉ: đường T, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; Ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Trần Thanh L (văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020).

- Ông **NLQ3**. sinh năm: 1950; Địa chỉ: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **NLQ4**. sinh năm: 1956. Địa chỉ: đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **NLQ5**. sinh năm: 1964. Địa chỉ: đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **NLQ6**. sinh năm: 1954. Địa chỉ: đường D, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bà **NLQ7**. sinh năm: 1969. Địa chỉ: 1/72 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà **NLQ8** (chết ngày 04/3/2017); Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: ông NLQ8a. sinh năm: 1962 và chị NLQ8b. sinh năm: 1992. Địa chỉ: khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bà **NLQ9**. sinh năm: 1940. Địa chỉ: đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Ông **NLQ10**. sinh năm: 1960. Địa chỉ: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ngày 12/4/2010 cha mẹ ông có lập di chúc số công chứng 73, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại NLQ2. Sau đó được biết ngày 02/12/2014 cha mẹ ông có đến Phòng Công chứng số 1 (nay là Văn phòng Công chứng N) công chứng di chúc số công chứng 65, 66 quyển số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD, nên ông có đến yêu cầu VPCC N mở di chúc, nhưng không được đồng ý và đề nghị ông kiện ra tòa. Do đó ông khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu, hủy bỏ di chúc công chứng số 65, 66 ngày 02/12/2014. Công nhận di chúc ngày 12/4/2010 tại VPCC NLQ2.

* Bị đơn Văn phòng Công chứng N thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyễn N trình bày:

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và lý giải thêm việc sai số CMND của ông T không ảnh hưởng đến việc lập di chúc vì trên giấy đất đã chứng minh tài sản đó là của ông T. Việc nguyên đơn cho rằng khi lập di chúc năm 2014 giấy đất bản chính do nguyên đơn giữ, thì đó chỉ là lời trình bày của nguyên đơn còn

việc chứng nhận di chúc vẫn đảm bảo đúng trình tự thủ tục pháp luật. Khi ông T yêu cầu công bố di chúc, do ông T không phải là đại diện theo ủy quyền của tất cả người thừa kế nên một mình ông T yêu cầu mở di chúc là không đúng quy định. Bị đơn đã yêu cầu ông T ghi bản khai tất cả các người con của ông T, bà Đ khi nào đủ mặt tất cả người thừa kế thì VPCC mới mở di chúc. Tuy nhiên, khi những người thừa kế có mặt thì ông T có đơn rút ngay ngày triệu tập mở, do đó ông T trình bày như vậy là không đúng.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông NLQ5 trình bày: Các anh em của ông yêu cầu công bố di chúc năm 2014 của ông T, bà Đ và đồng ý thực hiện theo di chúc cuối cùng của cha mẹ. Đất đai cha mẹ để lại làm nơi thờ cúng cho con cháu sử dụng chung chứ không chia cho ai. Nên anh em thống nhất theo di chúc của cha mẹ. Yêu cầu ông T trả lại giấy tờ nhà đất của cha mẹ (bản chính) hiện do ông T đang cất giữ.

+ Ông NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ9, NLQ10 thống nhất lời trình bày của ông NLQ5. Đồng thời ông NLQ4 cho biết thêm: bà NLQ8 là con của ông T, bà Đ (chết năm 2017) có chồng là ông NLQ8a. Bà NLQ8 và ông NLQ8a có 01 người con gái tên NLQ8b.

+ NLQ2 thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh L trình bày: VPCC NLQ2 đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định pháp luật để thực hiện lập di chúc cho ông T và bà Đ, đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan. Việc công chứng di chúc của ông T và bà Đ vào năm 2010 là hợp pháp.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận N đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn T về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với văn bản công chứng là di chúc số công chứng 65, 66 quyền số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 02/12/2014 tại Phòng công chứng số 1 (nay là Văn phòng Công chứng N).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận di chúc ngày 12/4/2010 số công chứng 73, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại NLQ2.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/6/2022 nguyên đơn ông Lê Văn T kháng cáo cho rằng văn bản công chứng là hai di chúc số 65, 66 công chứng tại VPCC N là không hợp pháp vì: diện tích của di sản bao gồm luôn diện tích đã chuyển nhượng cho người khác từ năm 2002; một phần di sản đã cho người khác ở nhờ nhưng không thể hiện trên di chúc; hai di chúc được

lập thay thế di chúc đã lập trước đây tại VPCC NLQ2 nhưng không thông báo cho VPCC NLQ2 biết theo Luật Công chứng năm 2006 và 2014; số CMND của ông Lê Hồng T không đúng với số CMND trên giấy chứng nhận của di sản; tại VPCC N lúc ông T, bà Đ lập di chúc có sự hiện diện của ông NLQ5 để chụp ảnh ông T, bà Đ làm chứng cứ. Yêu cầu phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như tại cấp sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phân tích những sai sót trong 02 bản di chúc lập ngày 02/12/2014 tại Phòng Công chứng số 1 như nguyên đơn đã nêu trong đơn kháng cáo để đề nghị phúc thẩm chấp nhận kháng cáo cũng như chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: về tố tụng Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định; Về nội dung: nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới so với cấp sơ thẩm, kháng cáo không có căn cứ đề nghị bác kháng cáo.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng là di chúc lập ngày 02/12/2014 tại Phòng Công chứng số 1, số công chứng 65, 66 quyền số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD, do vi phạm pháp luật và công nhận di chúc lập ngày 12/4/2010 tại NLQ2, số công chứng 73, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Người liên quan ông NLQ8a, chị NLQ8b, VPCC NLQ2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành theo quy định.

*** Về nội dung:** Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn T kháng cáo yêu cầu xét lại bản án sơ thẩm. Xét các nội dung kháng cáo:

[2] Đối với kháng cáo cho rằng hai di chúc lập ngày 02/12/2014 tại Phòng Công chứng số 1 là không hợp pháp, bởi các luận điểm sau:

[2.1] Về luận điểm: diện tích của di sản bao gồm luôn diện tích đã chuyển nhượng cho người khác từ năm 2002. Đánh giá luận điểm này thấy rằng: tại đoạn 2 của bản di chúc số 65, 66 có nêu “*Tôi có 1/2 Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà*

ở và quyền sử dụng đất ở số 5401121020, hồ sơ gốc số 20/2001 do UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 16/01/2002, xác nhận chỉnh lý ngày 14/12/2003”. Đối chiếu với giấy chứng nhận nêu trên tại trang 3 (mục thay đổi về chủ) phần chỉnh lý của Sở Địa chính Cần Thơ ngày 05/12/2002 có ghi “*Đã chuyển nhượng một phần diện tích cho NLQ10... 154,30m² thổ cư. Diện tích còn lại: đất 390,35m² thổ cư; DTXD = DTSD = 83,04m²*”. Tại trang 4 (mục thay đổi về nhà ở, đất ở hoặc thế chấp) phần chỉnh lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cần Thơ ngày 14/12/2003 có ghi “*Xác nhận thay đổi về nhà ở ghi tại trang 1 và trang 2....*”. Như vậy, mặc dù bản di chúc không ghi cụ thể diện tích đất và nhà nhưng đã đề cập đến việc chỉnh lý lần cuối cùng trên giấy chứng nhận, tức là không còn diện tích đã chuyển nhượng cho người khác như nguyên đơn nại ra. Luận điểm này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Về luận điểm: một phần di sản đã cho người khác ở nhờ nhưng không thể hiện trên di chúc. Đánh giá về luận điểm này: người ở nhờ trên đất là một trong những anh em của đương sự là ông NLQ3, được cha mẹ các đương sự cho ở nhờ trên đất. Hơn nữa bản di chúc thể hiện rõ toàn bộ nhà đất này dùng vào việc thờ cúng chứ không phải phân chia, ông NLQ4 và ông NLQ5 được giao là người quản lý di sản. Vì vậy không ảnh hưởng gì đến việc lập di chúc và là điều kiện để vô hiệu văn bản công chứng. Luận điểm này cũng không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Về luận điểm: di chúc được lập thay thế di chúc đã lập trước đây, nhưng không thông báo cho VPCC NLQ2 biết theo Luật Công chứng. Lập luận này không có căn cứ, bởi lẽ: khoản 3 Điều 48 Luật Công chứng năm 2006 quy định nghĩa vụ thông báo việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi một phần hoặc toàn bộ di chúc không phải nghĩa vụ của tổ chức công chứng mà là của người lập di chúc, nên không có căn cứ để buộc trách nhiệm đối với bị đơn.

[2.4] Về luận điểm: số CMND của ông Lê Hồng T không đúng với số CMND trên giấy chứng nhận của di sản. Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Lê Văn T có 02 giấy CMND: giấy số 360027445 cấp ngày 09/9/2004 là trùng với số CMND ghi trong giấy chứng nhận nhà đất; còn giấy CMND số 360027446 cấp ngày 30/12/2010, tức là sau này ông T được cấp đổi lại giấy CMND. Thời điểm ông T lập lại di chúc tại Phòng Công chứng số 1 là ngày 02/12/2014, lúc đó ông đã đổi giấy CMND khác. Thậm chí đối chiếu với sổ hộ khẩu gia đình cấp ngày 01/8/1996 vẫn ghi số CMND của ông T là 360027446. Điều này cho thấy việc ghi chép của các cơ quan nhà nước là không chính xác. Tuy nhiên, xét về thời điểm lập di chúc thì ông T đã sử dụng đúng giấy CMND của ông được cấp tại thời điểm đó, hơn nữa việc sai số trong CMND không làm thay đổi chủ thể quyền tài sản và không ảnh hưởng đến ý chí của

người để lại di sản. Trường hợp này không phải là điều kiện, là căn cứ vô hiệu văn bản công chứng. Luận điểm này cũng không có căn cứ.

[2.5] Về luận điểm: tại Phòng Công chứng lúc ông T, bà Đ lập di chúc có sự hiện diện của ông NLQ5 để chụp ảnh ông T, bà Đ làm chứng cứ. Vấn đề này không có quy định nào của pháp luật ngăn cấm, việc đương sự hoặc gia đình của đương sự chụp ảnh làm chứng cứ chứng minh có sự kiện ông T, bà Đ tự nguyện lập di chúc là tốt. Luật chỉ không cho phép tổ chức công chứng hoặc Công chứng viên tiết lộ thông tin di chúc mà thôi. Do đó lập luận của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo về nội dung yêu cầu phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là tuyên bố vô hiệu di chúc lập ngày 02/12/2014, công nhận di chúc lập ngày 12/4/2010. Như đã phân tích trên, di chúc số 65, 66 lập ngày 02/12/2014 tại Phòng Công chứng số 1 (nay là VPCC N) không vi phạm pháp luật, nên không có căn cứ tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng này. Do vậy cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận di chúc ngày 12/4/2010 lập tại VPCC NLQ2, vì đây là tranh chấp yêu cầu vô hiệu văn bản công chứng chứ không phải tranh chấp về giá trị hiệu lực của các di chúc.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được tính có căn cứ, nên kháng cáo không được chấp nhận như Kiểm sát viên phúc thẩm đề nghị là phù hợp. Quan điểm bảo vệ của Luật sư nguyên đơn không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng do là người cao tuổi nên được miễn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 11 Điều 26, 91, 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Luật Công chứng năm 2006; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với văn bản công chứng là di chúc số công chứng 65, 66 quyển số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 02/12/2014 tại Phòng Công chứng số 1 (nay là Văn phòng Công chứng N) và Yêu cầu công nhận di chúc ngày 12/4/2010 số công chứng 73, quyển số 01/TP/CC- SCC/HĐGD tại NLQ2.

2/- Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí sơ và phúc thẩm.

3/- Về chi phí giám định chữ ký: 8.000.000đ nguyên đơn phải chịu; đã nộp tạm ứng và thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- Lưu: (HS - 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Tuấn Quốc